

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮKLẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 4 - 2024

V/v: *Không công nhận là vợ chồng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Lý

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Trần Thị Loan; **2.** Bà Hà Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024, về việc “*Kiến không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Thị N, sinh năm 1972 (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Đỗ Thanh T, sinh năm 1969 (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 30 L, Tổ dân phố 5, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Bà và ông Đỗ Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời điểm bắt đầu chung sống

thì bà và ông T sinh sống tại tổ dân phố 5, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian chung sống do quan điểm sống bất đồng nên thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đến năm 2016 thì ông bà không còn chung sống với nhau nữa. Nay bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Đỗ Thanh T là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Thu H - sinh ngày 06/7/1995, cháu Đỗ Thị Kiều T – sinh ngày 06/7/2007. Cháu H đã thành niên và đã đi làm, cháu T chưa đủ 18 tuổi còn đang đi học thì giao cho ông Đỗ Thanh T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Đỗ Thanh T trình bày:

Ông và bà Phạm Thị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 tại tổ dân phố 5, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống do quan điểm sống bất đồng nên thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đến năm 2016 thì ông bà không còn chung sống với nhau nữa. Vì vậy, ông đồng ý với yêu cầu của bà N, yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà Phạm Thị N là vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà Phạm Thị N có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Thu H - sinh ngày 06/7/1995, cháu Đỗ Thị Kiều T – sinh ngày 06/7/2007. Cháu H đã thành niên và đã đi làm, cháu T chưa đủ 18 tuổi còn đang đi học thì do ông nuôi dưỡng cho đến khi 18 tuổi, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N. Tuyên bố bà Phạm Thị N và ông Đỗ Thanh T không phải là vợ chồng. Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Thị Kiều T – sinh ngày 06/7/2007 cho ông Đỗ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18

tuổi, không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng. Về án phí: Bà Phạm Thị N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với bị đơn có nơi cư trú tại tổ dân phố 5, thị trấn Quảng Phú, huyện CưM'gar nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Bà Phạm Thị N và ông Đỗ Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, việc chung sống như vợ chồng giữa bà N và ông T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, hôn nhân giữa bà N và ông T không được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống các bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả bà N và ông T đều có yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng. Vì vậy, việc tuyên bố bà Phạm Thị N và ông Đỗ Thanh T không phải là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Phạm Thị N và ông Đỗ Thanh T có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Thu H - sinh ngày 06/7/1995, cháu Đỗ Thị Kiều T – sinh ngày 06/7/2007. Cháu H đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường; còn cháu T thì bà N và ông T đều thống nhất giao cho ông T nuôi dưỡng, cháu T cũng có nguyện vọng ở với bố, nên Hội đồng xét xử giao cháu Đỗ Thị Kiều T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N.

1. Tuyên bố bà Phạm Thị N và ông Đỗ Thanh T không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Thị Kiều T – sinh ngày 06/7/2007 cho ông Đỗ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Bà Phạm Thị N có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0014979 ngày 25/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện CưM'gar
- THADS huyện CưM'gar
- UBND TT. Quảng Phú
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý

